

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 74/2021/HS-ST
Ngày 30-11-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thanh Châm và ông Trần Thanh Tịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2021/TLST-HS ngày 12-10-2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-QĐ ngày 15-11-2021; đối với:

- Bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ; sinh ngày 16-7-1983 tại huyện H, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo có vợ là Phạm Thanh H và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con bé sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04-3-2021 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn H; sinh ngày 08-8-1981 tại huyện H, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; con ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con bé nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03-3-2021 đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Văn H1; sinh ngày 14-3-1979 tại huyện H, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; con ông Nguyễn Văn H2 (đã chết); con

bà Ngô Thị T; bị cáo có vợ là Ngô Thị L và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con bé nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-4-2021 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Chị Ngô Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 03-3-2021, Phòng Cảnh sát giao thông, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh và Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đang làm nhiệm vụ tại KM17+800 QL1A thuộc địa phận khối 8, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn H điều khiển xe ô tô Hyundai getz, biển kiểm soát 34A-159.xx chở 05 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

Quá trình điều tra xác định được:

Nguyễn Văn Đ làm nghề lái xe khách tự do, có đăng số điện thoại 0963.632.xxx của mình lên các trang mạng xã hội. Sáng ngày 01-3-2021, có một người nam giới (không biết họ tên, địa chỉ) sử dụng số điện thoại 0762.465.xxx gọi cho Nguyễn Văn Đ đón 07 đến 10 người khách quốc tịch Trung Quốc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng để đưa về thành phố B, tỉnh Bắc Ninh với giá tiền công là 15.000.000 đồng.

Nguyễn Văn Đ không trực tiếp đi đón khách được nên đã điện thoại cho Nguyễn Văn H đi đón khách. Hai bên trao đổi về số lượng khách cần đón, quãng đường đưa đón khách và tiền công là 6.000.000 đồng.

Do xe của Nguyễn Văn H không thể chở được hết số lượng khách cần đón nên Nguyễn Văn H điện thoại rủ Nguyễn Văn H1 cùng đi nhưng không nói cho Nguyễn Văn H1 biết khách cần đón là công dân Trung Quốc. Nguyễn Văn H cũng điện thoại báo cho Nguyễn Văn Đ biết Nguyễn Văn H1 sẽ cùng đi đón khách và tiền công của ai thì người ấy nhận. Sau đó, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H1 đều gửi số tài khoản của mình cho Nguyễn Văn Đ.

Khoảng 16 giờ ngày 01-3-2021, Nguyễn Văn H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz, biển kiểm soát 34A-159.xx; Nguyễn Văn H1 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 98A - 191.xx cùng đi Cao Bằng nhưng không đón được khách. Tuy nhiên có số tài khoản 19036436672xxx mở tại Ngân hàng Techcombank chuyển đến số tài khoản 203442xxx mở tại Ngân hàng VPBank của Nguyễn Văn Đ 10.000.000 đồng và Nguyễn Văn Đ đã chuyển khoản cho Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 mỗi người 3.000.000 đồng.

Chiều ngày 02-3-2021, người đàn ông sử dụng số điện thoại 0762.465.xxx tiếp tục điện thoại cho Nguyễn Văn Đ đề nghị đón tiếp khách hôm qua không đón được. Nguyễn Văn Đ điện thoại báo cho Nguyễn Văn H; Nguyễn Văn H điện thoại báo cho Nguyễn Văn H1 rồi cả hai tiếp tục đi Cao Bằng đón khách.

Khi Nguyễn Văn H điện thoại thông báo cho Nguyễn Văn Đ biết đã đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nguyễn Văn Đ gửi số điện thoại 0987.303.xxx của Nguyễn Văn H cho người đàn ông sử dụng số điện thoại 0762.465.xxx.

Khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày, người sử dụng số điện thoại 0762.465.xxx gọi điện chỉ dẫn Nguyễn Văn H di chuyển đến địa điểm đón khách. Khi đi đến điểm hẹn, Nguyễn Văn H gọi điện thông báo cho người sử dụng số điện thoại 0762.465.xxx biết. Khoảng 23 giờ 41 phút cùng ngày, có 03 người điều khiển xe mô tô chở 05 người đến và lên xe Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H1 điều khiển xe đi trước. Một lúc sau, có 03 người điều khiển xe mô tô chở 05 người đến và lên xe Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H điều khiển xe về hướng Bắc Ninh.

Trên đường đi, Nguyễn Văn H1 nghe thấy những người khách trên xe của mình nói chuyện với nhau bằng tiếng Trung Quốc nên biết nhóm khách mình vừa đón lên xe là công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

Khi Nguyễn Văn H gọi điện thông báo cho Nguyễn Văn Đ biết đã đón được khách. Lúc này, người đàn ông sử dụng số điện thoại 0762.465.xxx đã chuyển vào tài khoản của Nguyễn Văn Đ 5.000.000 đồng và bảo Nguyễn Văn Đ đưa khách về khu Vincom Bắc Ninh rồi liên lạc với số điện thoại 0372.555.xxx để trả khách. Nguyễn Văn Đ chuyển khoản cho Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 mỗi người 3.000.000 đồng và gửi số điện thoại 0372.555.xxx cho Nguyễn Văn H1 bảo khi nào về đến Bắc Ninh thì liên lạc để trả khách.

Khoảng 04 giờ 30 ngày 03-3-2021, Nguyễn Văn H1 về đến thành phố Bắc Ninh. Sau khi liên lạc với người sử dụng số điện thoại 0372.555.xxx, Nguyễn Văn H1 đã trả 05 người khách Trung Quốc tại khu vực tòa nhà Vincom thành phố Bắc Ninh. Quá trình giao trả khách, Nguyễn Văn H1 không cho người sử dụng số điện thoại 0372.555.xxx biết là khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Đến khoảng 09 giờ sáng cùng ngày, người đàn ông sử dụng số điện thoại 0762.465.xxx chuyển khoản cho Nguyễn Văn Đ 7.000.000 đồng; Nguyễn Văn Đ chuyển khoản cho Nguyễn Văn H1 4.000.000 đồng và điện thoại cho Nguyễn Văn H nhưng không liên lạc được.

Sau khi bắt quả tang Nguyễn Văn H, Cơ quan An ninh Điều tra triệu tập Nguyễn Văn Đ đến làm việc. Quá trình làm việc, Nguyễn Văn Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và các đồng phạm khác. Về phía Nguyễn Văn H1, sau thời gian tự cách ly tại gia đình, ngày 01-4-2021 Nguyễn Văn H1 đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đầu thú và nộp lại số tiền 7.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những nội dung trên, Cáo trạng số 126/CT-VKS-P2, ngày 11-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, chị Nguyễn Thị N trình bày: Xe ô tô Hyundai Getz, biển kiểm soát 34A-159.xx mà chồng chị (bị cáo Nguyễn Văn H) sử dụng chở khách Trung Quốc vào ngày 03-3-2021 là tài sản chung của vợ chồng, chị không biết chồng mình sử dụng xe vào việc phạm tội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Chị Ngô Thị L trình bày: Chồng chị (bị cáo Nguyễn Văn H1) đứng tên trên đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 98A - 191.xx. Nguồn gốc chiếc xe này là do vợ chồng chị mua trả góp, có thể chấp xe để vay vốn tại Ngân hàng S Việt Nam. Ngày 18-3-2021, vợ chồng chị đã làm thủ tục thế chấp nhà đất vay tiền Ngân hàng T để trả khoản vay tại Ngân hàng S Việt Nam và đã được Ngân hàng xóa đăng ký thế chấp đối với tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nói trên. Chị không biết chồng mình sử dụng xe vào việc phạm tội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị chiếc xe nói trên.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát trình bày luận tội, bị cáo Nguyễn Văn H1 và chị Ngô Thị L thay đổi ý kiến về chiếc xe ô tô mà bị cáo Nguyễn Văn H1 đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, cụ thể: Chị Ngô Thị L và bị cáo Nguyễn Văn H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không tịch thu xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 98A - 191.xx mà bị cáo Nguyễn Văn H1 đã sử dụng để chở 05 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam vì trước đó bị cáo Nguyễn Văn H1 đã tự thực hiện việc chuyển nhượng chiếc xe nói trên cho anh Ngô Văn Đông (em ruột chị Ngô Thị L) nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy thu số tiền mà bị cáo có được do phạm tội, cụ thể:

Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ 6.000.000 đồng; truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn H 6.000.000 đồng; truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn H1 3.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 50% giá trị chiếc xe ô tô Hyundai Getz, biển kiểm soát 34A-159.xx và trả lại cho chị Nguyễn Thị N 50% giá trị chiếc xe sau khi hóa giá. Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 50% giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 98A - 191.xx và trả lại cho chị Ngô Thị L 50% giá trị chiếc xe sau khi hóa giá. Chuyển cơ quan Thi hành án toàn bộ giấy tờ liên quan đến 02 chiếc xe ô tô nói trên để phục vụ cho việc hóa giá tài sản. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 7.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn H1 đã nộp tại Cơ quan điều tra. Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 03 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H1 01 giấy chứng minh nhân dân; trả bị cáo Nguyễn Văn H 01 thẻ Ngân hàng Techcombank, 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh nhân dân.

Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy lỗi làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định vì mục đích vụ lợi, Nguyễn Văn Đ thuê Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 chở 10 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Ngày 03-3-2021, Nguyễn Văn H1 đã đưa trót lọt 05 công dân Trung Quốc từ huyện T, tỉnh Cao Bằng về thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nguyễn Văn H chở 05 công dân Trung Quốc là Khuyết Thế H, Bành D, Ngô Lăng N, Trịnh Tăng H, Lương Kim V từ huyện T, tỉnh Cao Bằng đến địa phận phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thì bị phát hiện bắt quả tang. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương và khu vực biên giới, nhất là trong lúc cả nước đang ra sức phòng chống dịch bệnh Covid-19. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Các bị cáo đều là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Do đó, để cá thể hóa hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[5] Về vai trò: Sau khi tiếp nhận thông tin từ người đàn ông sử dụng số điện thoại 0762.465.xxx, bị cáo Nguyễn Văn Đ chủ động điện thoại cho bị cáo Nguyễn Văn H đi Cao Bằng đón khách đồng thời là người nhận và chuyển trả tiền công cho bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1. Bị cáo Nguyễn Văn H chủ động rủ bị cáo Nguyễn Văn H1 cùng thực hiện việc trở khách, liên lạc với người dẫn đường để di chuyển đến điểm đón khách. Mặc dù khi trao đổi, Nguyễn Văn H không nói với Nguyễn Văn H1 khách sẽ đón là người Trung Quốc nhưng sau khi khách lên xe của mình, Nguyễn Văn H1 đã nhận thức được đó là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và thực tế Nguyễn Văn H1 đã thực hiện trót lọt. Vì vậy, Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo Nguyễn Văn Đ là người có vai trò chính; bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Văn Đ là đồng phạm trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo Nguyễn Văn H có vai trò tích cực hơn.

[6] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Cả 03 bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên cả 03 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang; vì vậy, bị cáo Nguyễn Văn Đ còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn Đ có bố đẻ (Nguyễn Văn L), bố mẹ vợ (Phạm Huy C, Đỗ Thị S) và ông nội (Nguyễn Văn Q) được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Huân, Huy chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Văn H có bố đẻ (Nguyễn Văn Đ1) được tặng Huân chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Văn H1 đã ra đầu thú và có mẹ đẻ (Ngô Thị T) được tặng Huy hiệu thanh niên xung phong và Kỷ

niệm chương của Ban chấp hành Trung ương Đoàn, có ông nội (Nguyễn Văn H3) có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến. Vì vậy, các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Mặc dù bị cáo Nguyễn Văn Đ là người có vai trò chính trong vụ án nhưng bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức hình phạt phù hợp quy định của pháp luật và đảm bảo sự công bằng giữa các bị cáo trong cùng vụ án.

[8] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về biện pháp tư pháp: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo Nguyễn Văn Đ đã nhận được tổng số tiền là 22.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn Đ đã chuyển khoản cho bị cáo Nguyễn Văn H 6.000.000 đồng và chuyển khoản cho bị cáo Nguyễn Văn H1 10.000.000 đồng; số tiền còn lại bị cáo Nguyễn Văn Đ được hưởng là 6.000.000 đồng. Khi đến Cơ quan Công an đầu thú, bị cáo Nguyễn Văn H1 đã nộp lại 7.000.000 đồng. Xét thấy, toàn bộ số tiền nói trên có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy cần phải tịch thu, truy thu để sung ngân sách Nhà nước; cụ thể: Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ 6.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn H 6.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn H1 3.000.000 đồng; tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền 7.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn H1 đã giao nộp tại Cơ quan điều tra.

[11] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H1 và vợ là chị Ngô Thị L trình bày, trước khi bị cáo Nguyễn Văn H1 thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã chuyển nhượng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 98A - 191.xx cho anh Ngô Văn Đ nhưng ngoài lời trình bày của mình, bị cáo Nguyễn Văn H1 và chị Ngô Thị L không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Mặt khác, thực tế hiện nay bị cáo Nguyễn Văn H1 là người đứng tên trên giấy đăng ký đối với xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 98A - 191.xx; sau khi bị cáo Nguyễn Văn H1 đến Cơ quan Công an tỉnh Lạng Sơn đầu thú, gia đình bị cáo đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô nói trên cho Cơ quan điều tra. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bị cáo Nguyễn Văn H1 và chị Ngô Thị L về việc trả lại toàn bộ chiếc xe ô tô nói trên.

[12] Về vật chứng: Đối với xe ô tô Hyundai Getz, biển kiểm soát 34A-159.xx và xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 98A - 191.xx cùng giấy tờ kèm theo là tài sản được tạo dựng hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, có căn cứ để xác định xe ô tô Hyundai Getz, biển kiểm soát 34A-159.xx là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N; xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm

soát 98A - 191.xx là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Văn H1 và chị Ngô Thị L. Vì là tài sản chung của vợ chồng nên vợ chồng đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản chung đó. Do Nguyễn Thị N và chị Ngô Thị L không biết việc chồng mình sử dụng xe ô tô làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 50% giá trị chiếc xe ô tô Hyundai Getz, biển kiểm soát 34A-159.xx và trả lại cho chị Nguyễn Thị N 50% giá trị chiếc xe sau khi hóa giá; tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 50% giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 98A - 191.xx và trả lại cho chị Ngô Thị L 50% giá trị chiếc xe sau khi hóa giá.

[13] Đối với những tài sản, đồ vật khác: Những đồ vật không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo gồm: Giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe và 01 thẻ Ngân hàng nhưng cần tạm giữ đối với thẻ Ngân hàng để đảm bảo thi hành án. Đối với 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo vì liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[14] Đối với 05 công dân Trung Quốc mà bị cáo Nguyễn Văn H chở gồm Khuyết Thế H, Bành D, Ngô Lăng N, Trịnh Tăng H, Lương Kim V đều khai nhận sang Việt Nam du lịch và tìm việc làm. Ngày 08-3-2021, Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định xử phạt trực xuất theo thủ tục hành chính đối với 05 công dân Trung Quốc có tên nói trên. Đối với 05 công dân Trung Quốc mà bị cáo Nguyễn Văn H1 chở đến thành phố Bắc Ninh chót lọt nên không xác định không xác định được danh tính.

[15] Đối với những người sử dụng xe mô tô đón đưa 10 công dân Trung Quốc lên xe bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Văn H1: Do không có thông tin cụ thể về họ tên, tuổi, địa chỉ, biển kiểm soát xe máy nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ.

[16] Cơ quan An ninh điều tra đã phối hợp với Tổng công ty Viễn thông Mobifone xác định người sử dụng số điện thoại 0762.465.xxx là Nông Văn L, sinh ngày 07-11-1983, địa chỉ xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng nhưng kết quả xác minh tại địa chỉ trên không có công dân tên Nông Văn L.

[17] Đối với người sử dụng số tài khoản 19036436672xxx đã chuyển tiền cho bị cáo Nguyễn Văn Đ là anh Nông Văn Q, sinh năm 1995, địa chỉ: Xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng nhưng hiện nay anh Nông Văn Q không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ được để xử lý trong vụ án.

[18] Đối với người sử dụng số điện thoại 0372.555.xxx (đón 05 công dân Trung Quốc do Nguyễn Văn H1 chở đến): Qua điều tra xác định chủ thuê bao là Nguyễn Văn V, sinh năm 1991, địa chỉ: Xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nguyễn Văn V khai nhận bản thân làm nghề lái xe Taxi được một người đàn ông không quen biết trả 02 triệu đồng bảo đưa bạn của người này đi đón xe khách đi Miền Nam. Nguyễn Văn V cho người này số điện thoại của Nguyễn Văn V để tiện liên lạc và không biết những khách mà mình chở là công dân Trung Quốc. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn V trong vụ án này.

[19] Đối với người đàn ông đã đến đặt vấn đề với Nguyễn Văn V đưa khách đi Miền Nam. Do không có thông tin cụ thể về họ tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[20] Xét ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[21] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[22] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Văn H1;

Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 04-3-2021.

2.2 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 03-3-2021.

2.3 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 01-4-2021.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1 Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); sung Ngân sách Nhà nước.

3.2 Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn H 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); sung Ngân sách Nhà nước.

3.3 Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn H1 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); sung Ngân sách nhà nước;

4. Về xử lý vật chứng

4.1 Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước:

4.1.1 Tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước 50% giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz, màu sơn bạc, loại xe: ô tô con, số loại: GETZ, dung tích xi lanh: 1086, tự trọng 975, số chỗ ngồi: 05, năm sản xuất 2010 biển kiểm soát 34A-159.xxx, số khung KMHBT51GAAU992917, số máy G4HGA758060, thanh chắn bảo vệ đằng sau xe bị móp, xe đã qua sử dụng (qua kiểm tra trong xe không có đồ vật, tài sản gì). Kèm theo:

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022835 mang tên Hà Văn M; địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương do phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 09-9-2016.

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 2336224 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 98-02D - Chi nhánh Hợp tác xã đầu tư xây dựng quản lý và khai thác chợ Hải An tại thành phố Bắc Giang cấp ngày 04-3-2020.

- 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc Trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số CI20CB 0054238 do Công Trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm phi nhân thọ CATHAY Việt Nam cấp ngày 04-3-2020.

4.1.2 Tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước 50% giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E, màu sơn nâu vàng, số loại: VIOS E loại xe: ô tô con, dung tích xi lanh: 1496, tự trọng: 1068, số chỗ ngồi: 05, năm sản xuất 2018; biển kiểm soát 98A - 191.xx, số máy 2NRX342606; số khung RL4B29F33J5044332, xe đã qua sử dụng. (Qua kiểm tra trên xe không có đồ vật, tài sản gì), kèm theo:

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036497 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 01-8-2018, biển số đăng ký: 98A - 191.29, tên chủ xe: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 5383663, Biển đăng ký: 98A - 191.29 do Trung tâm Đăng kiểm Phương tiện Giao thông Vận tải tỉnh Bắc Ninh.

- 01 (một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới số BB20/0125233, tên chủ xe Nguyễn Văn H1.

4.1.3 Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, tình trạng máy: cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 867760032752934, số IMEI2 867760032752926 bên trong có lắp 02 (hai) thẻ sim trong đó: 01 (một) sim Vinaphone có số: 89840200011187983935; 01 (một) thẻ sim Viettel có số 8984 0488 3100 4226 804.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 355786071163815; bên trong có một sim điện thoại mạng Viettel, thân sim có dãy số 8984 04800 00584 86347.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI; màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng, có số IMEI1: 869881031725644, IMEI2 869881031755658; bên trong máy có gắn một thẻ sim Viettel có dãy số: 8984048851001379914.

4.2. Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong có chữ ký cùng tên của giám định viên Ngô Văn Đông và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

4.3. Trả lại bị cáo:

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H1 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 121323517 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 28-6-2014, mang tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 14-3-1979.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H: 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2, số 270173008738 mang tên Nguyễn Văn H do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 15-6-2017; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 121608991 mang tên Nguyễn Văn H do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 21-8-2020; 01 thẻ Ngân hàng TECHCOMBANK số 9704 0799 7804 7763 mang tên Nguyễn Văn H, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

4.4 Trả lại chị Nguyễn Thị N 50% giá trị 01 (một) xe ô tô Hyundai Getz, biển kiểm soát 34A-159.xx có đặc điểm như đã nêu tại mục 4.1.1; sau khi hóa giá .

4.5 Trả lại chị Ngô Thị L 50% giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 98A - 191.xx có đặc điểm như đã nêu tại mục 4.1.2; sau khi hóa giá.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn; có đặc điểm được mô tả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04-10-2021 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn và Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QLVNQLQ;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy